

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130 /2020/ HNGĐ-ST

Ngày: 20/11/2020.

V/v “Tranh chấp Hôn nhân & gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Huy Lợi và Ông Nguyễn Văn Lý.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ngô Văn Phú ; Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Nghệ An không tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143 /2020/QĐST ngày 09 tháng 11 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1984.

Hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Xóm 9, xã Nghi V, huyện Nghi L, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ hiện nay: Rue Wéry 84 -1050 Ixelles Vương Quốc Bỉ.

Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1980,

Hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Xóm 9, xã Hh, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ hiện nay: 1278 Chaussée de wavre 1160 Auderghem, Vương Quốc Bỉ. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1947 và Bà Trần Thị Q, sinh năm 1949

Đều trú tại: Xóm 9, xã Nghi V, huyện Nghi L, tỉnh Nghệ An.

Đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 28/8/2020, bản tự khai, đơn xin vắng mặt đều có chứng thực của Đại sứ quán Việt Nam tại Vương Quốc Bỉ nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghi V, huyện Nghi L, tỉnh Nghệ An vào ngày 23/11/2005.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố, mẹ đẻ chồng ở xã Hh, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Thời gian đầu kết hôn tình cảm vợ chồng rất hạnh phúc và đã sinh được 02 con chung. Từ khi sinh con đầu được một thời gian, vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn cái cọ, xúc phạm nhau, nhiều lần chị đã bỏ về quê ngoại ở. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế khó khăn, không hợp nhau như sau đó vợ chồng đã thông cảm và tha thứ cho nhau nên lại trở về với nhau chung sống đến khi sinh con chung thứ 2 thì tình cảm vợ chồng vẫn bình thường.

Đến năm 2015 anh T đi nước ngoài làm ăn tại Vương Quốc Bỉ, Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nhưng từ sau khi ra nước ngoài được một năm thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhiều hơn, thường xuyên cãi nhau qua các lần gọi điện thoại, nguyên nhân do tính tình 2 bên không phù hợp, cuộc sống xa cách, vợ chồng thiếu tin tưởng lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị mất mát dần. Đến năm 2018 chị đã gửi 02 con chung của vợ chồng cho bố, mẹ đẻ của chị là Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1947 và Bà Trần Thị Q, sinh năm 1949; Điều trú tại: Xóm 9, xã Nghi V, huyện Nghi L, tỉnh Nghệ An trực tiếp trông coi, chăm sóc, nuôi dưỡng. Vào tháng 10 năm 2018 chị quyết định đi ra nước ngoài làm ăn cùng với anh T tại Vương Quốc Bỉ. Nhưng sau khi sang Bỉ, vợ chồng ở gần nhau mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng hơn so với trước. Do hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nữa, không thể chung sống cùng nhau nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Do trước khi làm đơn xin ly hôn vợ chồng chị đã bàn bạc thống nhất việc ly hôn, nuôi dưỡng con chung trên cơ sở có xin phép ý kiến gia đình hai bên nội, ngoại không ai có ý kiến gì nên chị T đề nghị Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mà công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị và anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 2 con chung là cháu Nguyễn Phương Linh, sinh ngày 07/10/2006 và cháu Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 15/4/2013. Hiện nay cả hai cháu đều đang ở với bố, mẹ đẻ của chị là Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1947 và Bà Trần Thị Q, sinh năm 1949; Điều trú tại: Xóm 9, xã Nghi V, huyện Nghi L, tỉnh Nghệ An. Cháu Linh đang học lớp 9 tại trường THCS Nghi Vạn, cháu Khuê đang học nội trú tại trường tiểu học Nghi Vạn. Các con chị được ông bà ngoại đưa đi đón về, chăm sóc chu đáo, ăn học đầy đủ, sức khỏe phát triển tốt. Nếu ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị mỗi tháng 6000.000đ/ 02 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản và nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện tại chị T đang ở nước ngoài, nơi chị ở đang thực hiện giãn cách xã hội để phòng chống dịch bệnh COVID 19 nên chị không có điều kiện về Việt Nam để trực tiếp giải quyết vụ án được. Chị đã ủy quyền hợp lệ cho Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1947 trú tại: Xóm 9, xã Nghi V, huyện Nghi L, tỉnh Nghệ An là bố đẻ của chị được thay mặt, nhân danh chị giao, nhận các thủ tục ly hôn, các văn bản của Tòa án ông Đ sẽ có trách nhiệm thông báo và gửi cho chị đầy đủ.

Vì vậy chị T đề nghị Tòa án không tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị.

Tại bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn xin vắng mặt có chứng thực của Đại sứ quán Việt Nam tại Vương Quốc Bỉ bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh đã biết việc chị Trần Thị T gửi đơn xin ly hôn cùng các tài liệu liên quan đến Tòa án nên anh đã ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Nhung, sinh năm 1954; Địa chỉ: Xóm 9, xã Hh, huyện Y, tỉnh Nghệ An là bố đẻ của anh được thay mặt, nhân danh anh giao, nhận các thủ tục ly hôn tại Tòa án. ông Nhung sẽ có trách nhiệm thông báo và gửi cho anh đầy đủ. Vì vậy, Anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An về việc chị T xin ly hôn.

Anh Nguyễn Văn T thừa nhận thời gian, điều kiện kết hôn, con chung và cuộc sống hôn nhân cũng như tình cảm vợ chồng mâu thuẫn như chị T trình bày là đúng. Quá trình chung sống theo anh T vợ chồng sống hạnh phúc và đã có hai con chung, năm 2015 anh đi nước ngoài làm ăn được một thời gian thì vợ chồng cãi vã, xúc phạm nhau nguyên nhân do xã cách, không tin tưởng nhau, tình cảm mất mát dần. Đến năm 2018 chị T có sang Bỉ làm ăn, vợ chồng có chung sống nhưng mâu thuẫn vẫn không cải thiện được và từ năm 2019 đến nay vợ chồng sống ly thân, không có trách nhiệm gì với nhau nữa. Hiện tại tình cảm vợ chồng thực sự không còn nữa nên chúng tôi đã thống nhất ly hôn. Anh đề nghị Tòa án công nhận sự anh có 2 con chung là cháu Nguyễn Phương Linh, sinh ngày 07/10/2006 và cháu Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 15/4/2013. Hiện nay cả hai cháu đều đang ở với bố, mẹ đẻ của chị T là Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1947 và Bà Trần Thị Q, sinh năm 1949; Đều trú tại: Xóm 9, xã Nghi V, huyện Nghi L, tỉnh Nghệ An đúng như chị T trình bày. Anh T đồng ý giao cả hai con chung cho chị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung và anh sẽ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị T mỗi tháng 6000.000đ/ 02 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ: Anh T cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh còn trình bày thêm: Do hiện anh đang ở nước ngoài không có điều kiện về Việt Nam để trực tiếp giải quyết vụ án được. Anh đề nghị Tòa án không tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, đề nghị Tòa án

tiến hành xét xử vắng mặt anh và gửi các văn bản của Tòa án cho anh thông qua ông Nguyễn Văn Nhung là bố đẻ anh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1947 và Bà Trần Thị Q, sinh năm 1949; Điều trú tại: Xóm 9, xã Nghi V, huyện Nghi L, tỉnh Nghệ An thống nhất trình bày: Ông bà là Cha, Mẹ đẻ của chị Trần Thị T, hiện ông bà đã nhận được các tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc ly hôn của con gái Trần Thị T với con rể Nguyễn Văn T. Tất cả các tài liệu liên quan con gái gửi cho Tòa án và Tòa án gửi cho con gái ông bà đã giao nhận với Tòa án đầy đủ. Ông, bà cho biết con gái là Trần Thị T kết hôn với anh Nguyễn Văn T từ năm 2005, có đăng ký tại UBND xã Nghi Vạn, quá trình chung sống đã có với nhau 02 người con. Năm 2015 anh T đi nước ngoài làm ăn, đến năm 2018 chị T gửi các con cho ông, bà nuôi hộ để đi nước ngoài làm ăn cùng chồng. Đầu tháng 9/2020 thấy con gái gọi điện thoại về thông báo việc vợ chồng ly hôn cả hai đã quyết định ly hôn và thỏa thuận giao cả 02 con chung cho chị T nuôi dưỡng. Ông, bà không có ý kiến gì chỉ cam kết sẽ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu ăn học đảm bảo đầy đủ cho đến khi chị T về đón con đi ở cùng với mẹ. Vợ chồng ông, bà không yêu cầu chị T và anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con trong thời gian ông, bà nuôi dưỡng các cháu. Ông Đ và bà Q đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt ông, bà.

Quá trình giải quyết vụ án Cháu Nguyễn Phương L sinh ngày 07/10/2006 và cháu Nguyễn Ngọc K sinh ngày 14/4/2013 đều có đơn trình bày nguyện vọng nêu bố mẹ ly hôn nguyện vọng được ở với mẹ, vì hiện nay các cháu đang ở với ông bà Ngoại và đang học tại Trường cấp 1,2 Nghi Vạn để thuận tiện cho việc học tập và sinh hoạt của các cháu.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

Vụ án Hôn nhân và Gia đình không có tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung. Tòa án không phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát không phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình là loại tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn là chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn T hiện đang sinh sống ở nước ngoài, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bản tự khai, giấy ủy quyền và các tài liệu khác đều có chứng thực của Đại sứ quán Việt Nam tại Vương Quốc Bỉ do cả nguyên đơn và bị đơn đều có hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh tại tỉnh Nghệ An. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Đ và bà Q đều không yêu cầu quyền lợi gì và đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt ông, bà. Chị T và anh T cũng đều đang lao động hợp pháp tại Vương Quốc B không thể về Việt Nam và đều có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị T và anh T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt có chứng thực của Đại sứ quán Việt Nam tại Vương Quốc B. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa vắng mặt các đương sự là chị T, anh T và vợ chồng ông Đ.

[2]. Về hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn của UBND xã Nghi V, huyện Nghi L, tỉnh Nghệ an cấp cho anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị T đã vào sổ đăng ký kết hôn số 46/2005, quyển số 2005 đăng ký ngày 23/11/2005 thì hôn nhân giữa chị T và anh T là hôn nhân hợp pháp. Chị T yêu cầu được ly hôn với Anh Nguyễn Văn T vì tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Anh T cũng đồng ý và hai bên đã thống nhất thỏa thuận ly hôn với nhau ở nước ngoài, cả hai đều đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, các tài liệu của các đương sự gửi từ nước ngoài về đều có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Vương Quốc B. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thật sự không còn nữa, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình ghi nhận, chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị T để tạo điều kiện cho các bên ổn định cuộc sống riêng.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là cháu Nguyễn Phương Linh, sinh ngày 07/10/2006 và cháu Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 15/4/2013. Hiện nay cả hai cháu đều đang ở với bố, mẹ đẻ của chị T là Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1947 và Bà Trần Thị Q, sinh năm 1949; Đều trú tại: Xóm 9, xã Nghi V, huyện Nghi L, tỉnh Nghệ An. Ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị mỗi tháng 6000.000đ/ 02 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Xét thấy, các đương sự đã thống nhất thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con và người cấp dưỡng nuôi con như yêu cầu, nguyện vọng của nguyên đơn. Vì vậy cần ghi nhận, chấp nhận sự thỏa thuận của đương sự là phù hợp với tình hình thực tế vì cả chị T và anh T đang ở nước ngoài và các cháu đang ăn học và ở với ông bà ngoại ổn định và các cháu cũng có đơn trình bày nguyện vọng được ở với mẹ, hiện nay các cháu đang sống cùng ông, bà ngoại được ông, bà chăm sóc chu đáo. Ông Đ và Bà Q đều cam kết sẽ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu ăn học đảm bảo đầy đủ cho đến khi chị T về đón con đi ở cùng với mẹ và không yêu cầu chị T và anh T đóng góp tiền

cấp dưỡng nuôi con trong thời gian ông, bà nuôi dưỡng các cháu. Như vậy, xét nguyện vọng nuôi con chung của chị T cũng như đề nghị của anh T là chính đáng, tự nguyện, đảm bảo sự phát triển mọi mặt của các con và đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, cần chấp nhận giao các con chung là cháu Nguyễn Phương Linh, sinh ngày 07/10/2006 và cháu Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 15/4/2013 cho chị Trần Thị T được chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Anh Nguyễn Văn T có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Ghi nhận, chấp nhận đề nghị của Chị T và anh T buộc anh T phải góp phí tổn nuôi con với chị T mỗi tháng một cháu 3.000.000đ. Hai cháu 6.000.000đ/tháng là phù hợp với mức sống hiện nay của hai cháu và thu nhập của anh T tại Vương Quốc Bỉ.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh T không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Trung vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2, 4, Điều 207, khoản 1 Điều 227, điều 273 và điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51,56,81,82,83, 84,107,110,116,117,119, 122,123 và điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con của chị Trần Thị T.

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2.Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Giao các con chung là cháu Nguyễn Phương L, sinh ngày 07/10/2006 và cháu Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 15/4/2013 cho chị Trần Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành. Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 3.000.000đ/1 cháu cho đến khi các cháu đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Tổng cộng hai cháu 6.000.000đ/tháng.

Sau khi ly hôn Anh Nguyễn Văn T có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Khấu trừ cho chị T trong số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm do chị T đã nộp theo biên lai số AA/2020/0000116 ngày 09/10 /2020 tại Cục THADS tỉnh Nghệ An. Anh Nguyễn Văn T phải chịu 150.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Ông Trần Văn Đ, và Bà Trần Thị Q vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Nam Giang, huyện Nam Đàn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hải Minh

